

CON NGƯỜI TRUNG TÂM VÀ CHỦ THỂ - QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT MỚI TRONG NHẬT KÝ TRONG TÙ CỦA HỒ CHÍ MINH

Hoàng Trọng Quyền
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh là tập thơ chữ Hán cuối cùng của nền văn học Việt Nam. Tuy nhiên, tập thơ thể hiện một sự khác biệt cơ bản với thơ chữ Hán cổ điển của Việt Nam và Trung Quốc ở nhiều phương diện. Trong đó, quan niệm mới về vai trò, vị thế, ý nghĩa và giá trị của con người là vấn đề nổi bật nhất mà nội dung cơ bản là: con người là trung tâm và con người là chủ thể trong mọi mối quan hệ với vũ trụ, tự nhiên và xã hội. Cái mới trong quan niệm nghệ thuật về con người của Hồ Chí Minh có nguồn cội từ những kết tinh triết học, mỹ học phương Đông và Chủ nghĩa Mác – Lênin ở Hồ Chí Minh, đồng thời từ những phẩm chất siêu việt cả về tư tưởng và nghệ thuật của chính tác giả Nhật kí trong tù.

Từ khóa: *Nhật kí trong tù, Hồ Chí Minh, thơ cổ điển, quan niệm nghệ thuật về con người, trung tâm, chủ thể*

*

1. Con người trung tâm

Nhật kí trong tù là tác phẩm nhật kí bằng thơ của Hồ Chí Minh được viết trong thời gian Người bị giam cầm trong nhà lao của chế độ Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc), từ tháng 8 năm 1942 đến tháng 9 năm 1943. Nếu nhìn quãng thời gian này như một chặng trong chuỗi hành trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh thì đó chính là lúc tư tưởng yêu nước và tư tưởng cộng sản đã có sự hài kết nhuần nhị trong tư tưởng của tác giả *Nhật kí trong tù*. Đó cũng là chặng đời mà trong con người Hồ Chí Minh đã có sự kết tinh nhiều giá trị văn hóa Cổ - Kim - Đông - Tây sau một thời gian dài Người bôn ba, trải nghiệm cuộc sống văn hóa và đấu tranh của nhân loại tiến bộ khắp năm châu bốn biển. Do vậy, *Nhật kí trong tù* - đưa con tinh thần

vừa là tư tưởng và cảm xúc, vừa là tư duy nghệ thuật của Hồ Chí Minh - đã thể hiện một quan niệm nghệ thuật mới về con người vừa đa dạng, phong phú nhưng cũng rất thống nhất, thấm đẫm chất triết học, nghệ thuật và nhân văn.

Nhật kí trong tù là tập thơ chữ Hán cuối cùng của nền văn học Việt Nam. Do vậy, tập thơ có những nét tương đồng với thơ chữ Hán cổ điển Việt Nam và Trung Quốc. Bên cạnh đó, tập thơ cũng cho thấy một sự khác biệt cơ bản ở nhiều phương diện. Trong đó, quan niệm về vai trò, vị thế, ý nghĩa và giá trị của con người là vấn đề nổi bật nhất. Cái mới trong quan niệm nghệ thuật về con người của Hồ Chí Minh so với thơ cổ điển Việt Nam và Trung Quốc bắt nguồn từ tâm tư tưởng triết học và nhân sinh mới của chủ thể sáng tạo tập thơ

và từ sự mới mẻ trong tư duy nghệ thuật về con người của Hồ Chí Minh.

Trong thơ ca cổ điển Trung Quốc và Việt Nam, nét nổi bật là cái nhìn “vũ trụ” đối với con người và cuộc đời. Do sáng tạo với quan niệm nghệ thuật về con người trong sự tham chiếu và chi phối của tư tưởng triết học Tam tài Thiên - Địa - Nhân, các nhà thơ luôn thể hiện cái nhìn nghệ thuật về con người từ tiêu chí, đặc điểm của vũ trụ và thiên nhiên. Trong thực tế, con người luôn sống trong các quan hệ nhân sinh và xã hội rất cụ thể, nhưng trong quan niệm, các nhà thơ lại thấy họ chỉ sống giữa cỏ cây, sông núi, đất trời. Vì vậy, khi nhắc chí thì con người đội trời đạp đất, chọc trời khuấy nước; khi bắt đắc chí thì tìm về với thiên nhiên, với nhật nguyệt, cỏ cây; khi uất hận thì hỏi trời xanh, tạo hóa hoặc gửi tâm sự vào kiếp sau. Thơ trữ tình Việt Nam từ thế kỉ X cho đến thế kỉ XX, về cơ bản thuộc về tư duy và thẩm mỹ trong cái mô hình ấy nên vẫn nằm trong sự thể hiện của thi pháp trung đại.

Đỗ Phủ mượn hình ảnh *chim phượng hoàng* để nói chí mình: *Bao giờ đánh lũ chim hèn / Máu lông sẽ tươi khắp miền đồng hoang* (Vịnh phượng hoàng); mượn hình ảnh núi Đông Nhạc để nói tầm vóc của mình: *Lên đỉnh chớp mà trông / Lè tè muôn núi dưới* (Trông núi Đông Nhạc). Nguyễn Trãi từng ví người quân tử tượng phu - trong đó có bản thân ông - với cây tùng: *Thu đến cây nào chẳng lạ lòng / Một mình lạt thuở ba đông (...)* *Nhà cả đòi phen chống khỏe thay / Cội rễ bền giờ chẳng động* (Tùng). Nguyễn Du miêu tả con người như là một bộ phận của thiên nhiên. Chẳng

hạn như trong *Truyện Kiều*, khi miêu tả Thúy Kiều thì: *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*; chân dung của Từ Hải là *Râu hùm hàm én mày ngài*. Nói về sự bình phục của Thúy Kiều, Nguyễn Du viết: *Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong*; về tình yêu của Từ Hải và Thúy Kiều, thì: *Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng*; nói về chí khí của Từ Hải thì: *Chọc trời khuấy nước mặc dầu*.

Cách tư duy và quan niệm gắn con người với tiêu chí vũ trụ làm cho hiện thực xã hội lịch sử cụ thể bị trừu tượng đi, còn các hình ảnh thiên nhiên thì mang ý nghĩa tượng trưng cho thế giới con người. Đó là quan niệm và cái nhìn con người chưa phải là trung tâm, con người hòa tan trong vũ trụ và thiên nhiên, nhiều khi khuất lấp bởi cái vô cùng vô tận của vũ trụ và thiên nhiên.

Ở *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh, hình tượng con người trong quan niệm của tác giả tập thơ không phải đối lập với quan niệm con người vũ trụ trong thơ cổ điển của Việt Nam và Trung Quốc, nhưng đã có sự đổi mới trong tư duy nghệ thuật và phương thức thể hiện. Một mặt, con người trong cảm quan và phản ánh của tác giả *Nhật kí trong tù* vẫn có sự tiếp nối, gắn kết với những nét văn hóa truyền thống trong quan hệ với thơ cổ điển; mặt khác nó mang những quan niệm mới mẻ, hiện đại và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chất hiện triết phương Đông vẫn thấp thoáng trong quan niệm nghệ thuật về con người ở *Nhật kí trong tù* bởi vì tác giả của tập thơ vốn sinh trưởng trong một gia đình nhà nho, mặt khác, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận,

hấp thụ những giá trị tinh hoa và tiến bộ của văn hóa, văn học phương Đông. Trong thực tế, người rất yêu trẻ nhỏ, hoa, chim, trăng, suối, vườn rau... con người. Đó cũng là những nét đẹp trong truyền thống văn hóa Việt Nam từ xưa đến nay.

Dù vậy, trong mối quan hệ với vũ trụ và thiên nhiên, con người vẫn xuất hiện ở vị trí trung tâm: trung tâm trong vị thế, ý nghĩa và quan niệm của tác giả; trung tâm trong từng bức tranh thơ ở mỗi thi phẩm và của cả tập thơ. Ngay ở trang bìa của cuốn *Nhật kí trong tù*, hình ảnh con người tù đầy với hai cánh tay bị xiềng xích giơ lên là một bức họa đầy ý nghĩa trong tư tưởng và quan niệm của Hồ Chí Minh. Đó vừa là hình ảnh thực của chính tác giả tập thơ trong thời gian bị tù đầy, vừa là hình ảnh tượng trưng cho nỗi bất bình về sự mất tự do, bất công của con người nhân loại.

Với quan niệm như vậy, trong bài *Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”*, Hồ Chí Minh nhận xét về thơ xưa và nói rõ yêu cầu đối với thơ hiện đại:

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,*

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

Cái nhìn và quan niệm đối sánh thơ xưa và thơ hiện đại của tác giả bài thơ chủ yếu nhấn mạnh những nét khác biệt: thơ xưa thiên về yêu cảnh thiên nhiên đẹp, và do vậy, các hình tượng nổi bật lên trong thơ là *núi, nước, khói, hoa, tuyết, trăng, gió* chứ không phải là con người. Còn trong thơ hiện đại thì phải là con người mà chất *thép* - tư tưởng chiến đấu, lí tưởng sống cao đẹp và mạnh mẽ cải tạo cuộc sống - là dấu hiệu cần có, phải có. Và hình ảnh chủ thể *thi gia*

cũng phải biết *xung phong* như là chiến sĩ. Như vậy, trong thơ hiện đại, không chỉ nội dung tư tưởng thơ là thuộc về con người mà chủ thể thơ cũng phải là con người ở vị thế mới: con người chiến sĩ.

Do tính chất là một tập thơ chữ Hán nên trong *Nhật kí trong tù*, con người vẫn còn gắn với một số hình ảnh vũ trụ, thiên nhiên mang chất truyền thống như *chinh nhân, thu nguyệt, thu phong, trung sơn, phù vân, cô vân...* nhưng đã mang một quan niệm mới; thể hiện rõ nội dung xã hội, thời đại cụ thể trong nhiều bài của tập thơ. Tiêu biểu như các bài *Buổi sáng, Nắng sớm, Giải đi sớm...*

Trong thơ xưa, cũng có ánh nắng mặt trời, nhưng thường là *tịch dương, tà huy, lạc nhật, nhật mộ...* Còn trong *Nhật kí trong tù*, hình ảnh nắng sớm là một tín hiệu nghệ thuật mới mẻ, sinh động và hấp dẫn; hàm chứa những thông điệp tư tưởng và thẩm mĩ của Hồ Chí Minh. Trước đó, trong truyện ngắn *Lời than vãn của Bà Trưng Trắc*, Nguyễn Ái Quốc cũng đã một lần dùng hình ảnh mặt trời buổi sáng tượng trưng cho thời đại mới, chứng tỏ sự nhất quán trong cảm quan của Người.

Trong bài *Buổi sáng*, bằng thủ pháp đối lập, tác giả thể hiện một cái nhìn mới và một tư tưởng mới khác hẳn thơ cổ điển: cái nhìn mang tính quyết định của chủ thể, của con người đối với ngoại cảnh. Do vậy, mặc dù trong bức tranh đối lập sáng - tối, bây giờ - ngày mai không có con người xuất hiện như là đối tượng được miêu tả, nhưng chủ thể của bức tranh là con người, tư tưởng con người thể hiện chủ động trong chiều hướng vận hành của vũ trụ, thiên nhiên. Con người là trung tâm trong cái nhìn vũ

trụ, trong triết lí và niềm tin. Dù rằng ở tầng hình ảnh trực tiếp, ta chỉ thấy *ngục tối mịt, ánh hồng bưng soi*, nhưng ở tầng gián tiếp và triết luận là hình tượng con người ở tầng bậc thứ hai qua cái nhìn và phản ánh đầy niềm tin trong hai câu thơ: *Trong ngục giờ đây còn tối mịt – Ánh hồng trước mặt đã bưng soi*. Như vậy, ngay trong những bài thơ mà hình ảnh thiên nhiên và vũ trụ xuất hiện trực tiếp chiếm ưu thế về mặt dung lượng thì ý nghĩa, giá trị tư tưởng tình và cảm con người vẫn là trung tâm, là hình ảnh đọng lại sâu nhất trong cảm nghĩ của người đọc.

Hình ảnh con người là trung tâm còn thể hiện ở chỗ nó chiếm phần lớn dung lượng hình ảnh trong tập thơ. Điều đó trước hết là do nguyên nhân *Nhật ký trong tù* thiên về thể tài thơ ký sự, thơ sinh hoạt hàng ngày. Quá nửa tập thơ viết về con người trong mọi dạng thái tồn tại rất vật chất của người tù: *đói, lạnh, bắt rận, ghê lở, bị cùm chân, ngủ cạnh hố xí, chia nước, rụng răng, mất gậy, đêm lạnh, giải đi đường, trượt ngã, ngồi xe than, nộp tiền đèn...* Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là do tác giả của tập thơ luôn hướng đến con người trong tư tưởng, cảm nghĩ nên trong tư duy nghệ thuật của Hồ Chí Minh, hình ảnh con người luôn có mặt và xuất hiện trên trang thơ *Nhật ký trong tù* như một lẽ hiển nhiên.

Trong thơ cổ, con người thường xuất hiện với một giá trị tượng trưng nào đấy như quân tử, liệt nữ, anh hùng, giai nhân... nhưng trong *Nhật ký trong tù*, con người xuất hiện một cách cụ thể, xác thực. Nếu chất tượng trưng là một trong những phẩm

chất hàng đầu của thơ cổ điển thì ở nhiều bài thơ của *Nhật ký trong tù* vẫn có phẩm chất ấy, nhưng lại có nhiều bài dường như chỉ cốt miêu tả bản chất thực và qua đó làm bật lên vấn đề sự quan tâm của tác giả về con người ở nhiều phương diện, trong có có phương diện đời thường. Dường như tác giả muốn hướng đến sự thực trần trụi của nó để nói rõ hơn về con người từ các góc tiếp cận và phản ánh. Cũng có lẽ đó chính là lí do tác giả viết *Nhật ký trong tù* với kiểu loại kí bằng thơ, nhằm để phát huy thế mạnh của ghi chép, mà là ghi chép sự thực bằng hình ảnh của thơ, chứ không đơn thuần chỉ là thơ trữ tình nói chí. Mục đích của nhà thơ là nói được nhiều sự thực đa dạng vốn là chứng nhân cho sự tồn tại và các quan hệ xã hội của con người. Chẳng hạn bảy lần nói cái đói trong nhà tù với các biểu hiện khác nhau: *đói vì muộn giờ cơm, đói run bần bật dưới ánh điện, đói chết người này người khác, đói cồn cào, đói bụng réo gào, đói xót lòng, đói vì cơm không no*. Bốn lần nói bị trói giải đi đường với các biểu hiện xác thực: *người bị trói giật cánh khuỷu, trói bằng sợi thừng gai, trói bằng xích sắt, trói treo ngược đôi chân*. Phương pháp của tác giả là để cho sự vật tự nói lên bản chất của chúng. Hoặc có khi, hình ảnh con người hiện lên trong cuộc sống thanh bạch, cụ thể dường như nhuộm màu Thiên mà không có bất kì một lời bình nào của tác giả: *Bên đường nấp dưới bóng lùm cây / Một túp lều tranh: “tiệm rượu” đây / Nào món cháo hoa và muối trắng / Đường xa khách tạm nghỉ nơi này* (Hàng cháo). Ở đây, tác giả không bình luận mà dường như chỉ kí họa một kiểu dạng chân dung cuộc sống của con người mà thôi.

Vị thế trung tâm của con người còn được tác giả đặt vào vị trí trung tâm trong cấu trúc bài thơ một cách đầy dụng ý nghệ thuật. Điều đó được thể hiện ở nhiều bài thơ, tiêu biểu như bài *Mộ* (Chiều tối): *Quyện điểu qui lâm tâm túc thụ/ Cô vân mạn mạn độ thiên không/ Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc/ Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng* (Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ/ Chòm mây lẽ trôi lững lờ trên tầng không/ Thiếu nữ xóm núi xay ngô/ Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ). Hai câu đầu tả cảnh thiên nhiên và vũ trụ thấm buồn trên con đường chuyển lao của người tù. Nhưng hai câu cuối hoàn toàn tương phản với hai câu đầu bởi sự xuất hiện của con người: con người *thiếu nữ* được đặt ở vị trí trung tâm câu thơ và bài thơ. Quan trọng hơn, *thiếu nữ* gắn với tính chất là xóm núi (*sơn thôn*) và hoạt động đang xay ngô (*ma bao túc*) bên lò than đã đỏ (*lô dĩ hồng*) nên vị thế và giá trị con người tăng lên. Điều đó mang lại sự ấm nóng thay cho cái lạnh, tối, xám ở hai câu thơ đầu, và tỏa rạng sự ấm áp cùng vẻ đẹp con người khắp cả bài thơ và tâm hồn người đọc.

2. Con người chủ thể

Nhật kí trong tù thể hiện rõ quan niệm con người là chủ thể. Điều đó được bộc lộ từ cách nhìn, tư duy nghệ thuật đến việc xây dựng và miêu tả hình tượng mới mẻ của Hồ Chí Minh. Nếu quan niệm con người là trung tâm thể hiện vị trí trung tâm, tâm thế trung tâm trong các bức tranh, từ bức tranh hoành tráng toàn bộ tập thơ cho đến các bức tranh bộ phận ở từng bài thơ, thì con người chủ thể là quan niệm nghệ thuật thể hiện rõ sức mạnh của con người, sự tác động mang tính chủ động vào hoàn cảnh và

chính bản thân mình để biến chuyển, thay đổi thực tại theo chiều hướng tích cực và tiến bộ. Đó chính là những điểm mới trong quan niệm nghệ thuật về con người của *Nhật kí trong tù* so với văn học trung đại và văn học dân gian.

Nhìn chung, trong văn học trung đại cũng như trong văn học dân gian, con người thường được quan niệm là *con người nhất phiến, con người thuần toàn*. Ở đó, con người luôn là sản phẩm của hoàn cảnh, nghĩa là con người thường được xem xét và quan niệm như là một phân hệ của hoàn cảnh theo mối quan hệ nhân – quả. Trong văn học dân gian thì con người chưa được khai thác về mặt tâm lí, cái nhìn nghệ thuật là bên ngoài chứ không phải cái nhìn bên trong, và cách kể là của người trần thuật chứ không phải của nhân vật; nhân vật được thể hiện chủ yếu là hành động xảy ra trong hoàn cảnh theo logic nhân - quả chứ không phải tâm lí. Chẳng hạn nhân vật Tấm bị dì ghẻ đối xử tệ bạc, độc ác thì khóc rồi đến lúc đấu tranh phản kháng lại; Thạch Sanh thì làm theo yêu cầu của lí Thông... Người đọc chưa thấy được diễn biến tâm lí bên trong của nhân vật.

Trong văn học trung đại, con người trong thơ trữ tình thường buồn vui theo thái độ nhân tình, và chủ yếu những người sáng tác thơ là các nho sĩ, quan chức nên sự buồn vui luôn gắn với thế sự, triều chính và mệnh quan của mình. Do vậy mà lúc gặp vận tốt thì tiếng thơ vui, khi gặp vận xấu thì giọng thơ buồn và nhà thơ tìm đến thiên nhiên để giải bày nỗi niềm cùng trăng hoa cây cỏ. Đỗ Phủ buồn thế cuộc và thân phận thì *Đăng cao*, thả nỗi sầu vào vũ trụ. Bạch Cư Dị thất thế thì bộc lộ sâu đau

trong tiếng đàn tì bà âm vang trường hận. Lí Bạch chán cảnh tù túng và phàm tục nơi cung điện thì già biệt triều đình không chút luyến tiếc để ra đi ngao du sơn thủy, luyện đàn múa kiếm và thả hồn vào thiên nhiên vũ trụ trong tâm trạng của một vị “Trích tiên” (vị tiên bị đày xuống trần gian). Nguyễn Trãi bị bọn xấu gièm pha, mưu hại thì *Giữ bụi lằm để đến với từng lằm*. Nguyễn Bình Khiêm sau khi dâng sớ chém bọn lộng thần nhưng không được vua nhà Mạc chuẩn tấu đã lạng lẽ cáo quan về với *mai, cuộc, cần câu* và vui trong cuộc sống đạm bạc nơi vắng vẻ mà lánh xa chốn lao xao: *Một mai, một cuộc, một cần câu/ Thơ thần dẫu ai vui thú nào... Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn, người đến chốn lao xao* (Nhàn). Nguyễn Khuyến trong giai đoạn bất đắc chí, cáo quan về ở ẩn và tìm đến với thiên nhiên để lạng lẽ chiêm nghiệm, chìm đắm trong thiên nhiên với những *hoa năm ngoái, ngõ trúc quanh co, ao thu lạnh lẽo, ngõ tối đêm sâu...*

Đến Nhật kí trong tù, Hồ Chí Minh đã thể hiện một quan niệm nghệ thuật mới về con người. Ở đó, con người không còn thuần toàn, nhất phiến và luôn là hệ quả, kết quả của hoàn cảnh nữa, mà con người đã có sự đan xen của các phần, các nét như tinh thần và thể xác, cơ thể và tư tưởng, tình cảm... Đặc biệt, quan niệm và cái nhìn nghệ thuật của tác giả tập thơ được thể hiện không phải trong những triết luận khô khan hay thiên về lí thuyết mà là trong thực tiễn những cảnh ngộ xác thực. Do vậy sức thuyết phục của từng bài thơ và cả tập thơ rất cao. Bài thơ đề từ là ví dụ tiêu biểu và có ý nghĩa chủ đạo cho cả tập thơ khi tác giả đối lập

thân thể - tinh thần, trong lao – ngoài lao và khẳng định Muốn nên sự nghiệp lớn thì tinh thần càng phải cao.

Con người là chủ thể không chỉ được thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ, ngoại cảnh mà còn trong mối quan hệ với chính mình. Con người là chủ thể khi phần *người* vượt qua, vượt lên phần *con* trong việc quên nỗi đau riêng mà hướng đến tha nhân để thương xót, cảm thông, sẻ chia và an ủi. Nghĩa là phần *người* trong *con người* làm chủ phần *con* trong *con người*. Điều đó được thể hiện ở nhiều bài thơ, tiêu biểu như các bài *Chiều tối, Ôm nặng, Bốn tháng rồi, Một người tù cờ bạc vừa chết, Vợ người bạn tù đến thăm chồng...*

Con người là chủ thể đã vượt qua cảnh ngộ thực bi thảm của bản thân để hướng đến vạn vật, tìm trong đó những ý nghĩa triết học, nhân sinh mới mẻ và tích cực. Ngay trong cảnh ngộ bị trói treo ngược và giải đi bằng thuyền, Hồ Chí Minh vẫn vẽ nên bức tranh lãng mạn và trữ tình: *Làng xóm ven sông đông đúc thế/ Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh* (Đáp thuyền đi huyện Ung Ninh); Người rút ra bài học giáo dục sâu sắc từ việc *giã gạo* vốn quá đổi thường tình; nhìn *cột cây số*, nghe *tiếng gà gáy*, cảm nhận về *cái răng rụng* hay *chiếc gậy bị lính ngục lấy cắp* với những chiêm nghiệm và triết luận đầy tính nhân văn.

Đặc biệt là con người chủ thể luôn hướng đến tự do, ánh sáng và tương lai với nhiều hình thức và bút pháp nghệ thuật khác nhau. Một mặt, thể hiện qua các từ *tự do, ánh sáng, ngày mai, tương lai, màu hồng, ngày xuân ...* được nhắc đến trực tiếp;

mặt khác, thể hiện trong chiều hướng vận hành của cấu trúc thẩm mỹ các bài thơ từ buồn sang vui, từ tối sang sáng, từ lạnh sang ấm nóng. Bài *Chiều tối* là một minh chứng. Trong bài thơ này, con người làm chủ bản thân, con người tư tưởng “hội xung phong” không bị ngoại cảnh thực u tối, trầm buồn, thê lương nào đó kéo mình vào, chi phối và tác động theo chiều hướng yếm thế, hay bị thất thế bởi những xúc cảm của thân thể, mà vượt lên và chủ động chuyển cái nhìn từ ngoại cảnh tối sang sáng, lạnh sang ấm nóng: chuyển từ *quyện điểu* (chim mỏi mệt), *cô vân* (đám mây cô độc) sang *son thôn thiếu nữ* (thiếu nữ xóm núi); chuyển từ *tâm túc thụ* (tìm cây ngủ) chậm buồn sang *ma bao túc* (đang xay ngô) năng động; chuyển *mộ* - (chiều tối u ám) sang *lò dĩ hồng* (lò than đã đỏ) ấm áp, nồng đượm và rực sáng.

Ở bình diện khác, tự do và niềm vui tiềm ẩn trong những bài tả thực trạng buồn nhưng chủ thể trữ tình đã chuyển hướng góc tiếp cận, đổi giá trị cảnh ngộ trong những hoàn cảnh tưởng chừng như không thể. Bài *Ghê* là một thí dụ trong nhiều thí dụ tiêu biểu:

*Đây mình ghê tím như hoa gấm,
Sốt soát luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn trong ngục thả tri âm.*

Xét về mặt cấu trúc thẩm mỹ thì bài thơ chỉ có 1/4 là hiện thực bi thảm, là khách thể, còn 3/4 là thuộc về ánh sáng, sắc màu, âm thanh vui trong cái nhìn đầy bản lĩnh và nhân văn của chủ thể. Tức là chủ thể đã chủ động chuyển đổi bản chất của khách thể và chiếm lĩnh dung lượng cũng như không gian nghệ thuật bài thơ.

Chính vì quan niệm con người là chủ thể nên hệ quả là *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh đã thể hiện sức mạnh tinh thần lớn lao của nhà thơ để Người có thể ung dung thưởng thức thiên nhiên trong nghịch cảnh. Sức mạnh đó gắn liền với bản lĩnh nhận thức sự vật, mối quan hệ giữa các sự vật mang tính biện chứng của triết học Mác - Lênin. *Nhật kí trong tù* thể hiện một tương quan cảnh - tình mới, trong đó tình và ý xây dựng trên ý nghĩa khách quan của cảnh vật, sự kiện, chứ không phải theo kiểu “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” như cách quan niệm một chiều khá phổ biến của người xưa và trong thơ xưa. Quan niệm triết học cổ của phương Đông nhấn mạnh nội dung coi con người luôn là một mảnh, một phần của tự nhiên và luôn chịu tác động của vũ trụ, tự nhiên mà ít chú ý đến phương diện con người với những sức mạnh nội lực của nó. Do vậy, trong thế giới thơ cổ điển Việt Nam và Trung Quốc, con người thường chìm lặn giữa thiên nhiên, khuất lấp trong thiên nhiên. Khi con người đang thắng thế thì mượn thiên nhiên và vũ trụ để thể hiện vẻ đẹp của khí phách, hoài bão; khi con người thất thế thì tìm về với thiên nhiên để lãng quên thế sự, xa lánh cõi đời phàm tục.

Trong thơ Hồ Chí Minh cũng có nhiều trăng, chim muông cỏ cây: “Trong thơ Bác, trăng với hoa là bạn” (Hoàng Trung Thông), thế nhưng con người không chìm khuất trong đó, vì dù thiên nhiên có là một phần cuộc sống của người trong văn hóa Hồ Chí Minh đi chăng nữa nhưng chủ thể vẫn là con người. Do vậy, Trong tất cả mọi mối quan hệ với vũ trụ, thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù*, con người vẫn luôn không chỉ là trung tâm mà còn là chủ thể của bức tranh.

Chẳng hạn như bài thơ *Giải đi sớm* (Tảo giải), mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và vũ trụ được thể hiện trong một cảm quan tinh tế, nhạy bén.

Trong bài I, thiên nhiên và vũ trụ hiện lên với những vẻ khắc nghiệt cộng với hoàn cảnh người tù bị giải đi càng làm tăng tính chất gian nan của hoàn cảnh. Người tù bị giải đi vào lúc *gà gáy lần đầu*, tức vào khoảng nửa đêm, thời tiết *giá lạnh*, và *con đường* mà người tù phải trải qua dường như diệu vợi, không xác định được đích đến. Theo logic thông thường của tâm lí con người thì từ điều kiện đó, hệ quả của nó là con người sẽ buồn nản, ngái ngủ, mệt mỏi, than vãn, bất bình... Nhưng ở bài thơ thì chân dung con người hiện lên lại khác hẳn. Người tù nhanh chóng chuyển từ thế bị động thành chủ động; cảnh không những không thể làm ngã lòng con người được mà con người còn chủ động tìm cái đẹp và thi vị ngay trong hoàn cảnh tưởng chừng như không thể: ngắm trăng sao và hình tượng hóa các chi tiết vũ trụ và thiên nhiên là *trăng*, *chòm sao*, *dãy núi mùa thu*,... vốn rời rạc và lạnh lẽo trong cảnh mùa đông thành một hệ thống gắn kết nhuần nhị và đầy tính nhân sinh: *Quần tinh ứng nguyệt thưởng thu san* (chòm sao nâng vầng trăng vượt lên núi mùa thu). Con người ở đây cũng không phải là *phạm nhân* mà là *chính nhân* với tư thế chủ động cho sự lên đường: *dĩ tại chinh đồ thượng* (đã ở trên con đường xa) trong tư thế *nghe nh diện* (ngẩng đầu) trước *thu phong trận trận hàn* (nhiều trận gió lạnh mùa thu) dồn dập và khắc nghiệt dồn về, đổ đến.

Chính tâm thế con người là chủ thể đó quyết định cái nhìn, tầm nhìn vào vũ trụ trong chiều hướng vận hành theo niềm tin của con người. Thế nên, trong bài II, cái ấm nóng, tươi sáng của màu *hồng*, của *noãn khí* thay cho cái lạnh, tối của *u ám* và *trận trận hàn* ở bài I.

Con người trong *Nhật ký trong tù* luôn chủ động trước thiên nhiên và vũ trụ. Trong bài *Ngắm trăng* (Vọng nguyệt), dù *Trong tù không rượu cũng không hoa* những vì cảnh đẹp nên người tù đã quên cảnh ngộ của mình để chủ động ngắm trăng trong mối tương quan con người là chủ thể và truyền tải cảm hứng đến trăng, làm cho trăng vốn tự thân vô cảm bỗng trở nên hình tượng đầy tính nhân văn: Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ / Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ. Trong bài *Cảnh chiều hôm* (Vãn cảnh), chính vì con người tiềm tàng sức mạnh của mình nên hương hoa tìm đến với tù nhân để nói lên tiếng nói bất bình về lẽ sớm nở tối tàn bất công: *Hương hoa bay thấu vào trong ngục / Kể với tù nhân nỗi bất bình*.

Tóm lại, tư duy nghệ thuật sâu sắc và bút pháp thể hiện độc đáo của Hồ Chí Minh về con người trong *Nhật kí trong tù* đã tạo nên những điều mới mẻ cho tập thơ so với văn học cổ điển Việt Nam và Trung Quốc. Trong đó, con người là trung tâm và chủ thể trong mọi mối quan hệ với vạn vật là một phương diện khá nổi bật. Điều đó là kết quả sự tham chiếu và phối ứng của tính khoa học, thực tiễn và nhân văn từ tư tưởng triết học phương đông và chủ nghĩa Mác – Lênin. Nhưng trước hết là những phẩm chất siêu việt về tư tưởng, xúc cảm

và thẩm mỹ của chính chủ thể trữ tình Hồ Chí Minh. Tầm nhìn mới, triết lí mới cùng những chiều kích nhân văn mới mẻ và sâu sắc trong thi pháp quan niệm nghệ thuật về con người của Hồ Chí Minh có ảnh hưởng và chi phối các vấn đề khác của thi pháp tập *Nhật kí trong tù* như cấu trúc thẩm mỹ, thời gian – không gian nghệ

thuật và giọng điệu. Hiểu và học tập cái nhìn, quan niệm nghệ thuật về con người trong *Nhật kí trong tù* không chỉ giúp người đọc hiểu thêm về cái hay cái đẹp của tập thơ, mà còn là một trong nhiều cách học tập tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh có hiệu quả và thiết thực.

*

**HUMAN IS CENTERED AS WELL AS SUBJECTIVE - A NEW POINT OF VIEW
IN HO CHI MINH'S *NHAT KY TRONG TU* ((DIARY WRITTEN IN PRISON))**

Hoang Trong Quyen

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Nhat ki trong tu (Diary written in prison) written by Ho Chi Minh is the last poem collection of Vietnamese literature. The poems in the collection are written in Han characters. However, the poem collection displays an essential difference in many ways from poems written in the classic Han characters of Viet Nam and China. In the poems, the new ideas about the role, the position, the significance and the value of human beings are prominent. The key content of the poem collection is that human beings are the center and are the subject in every relation to the universe, the nature and the society. What is new in Ho Chi Minh's artistic conception of man emerges from his synthesis of oriental philosophy and aesthetics with Marxism and Leninism, as well as from the subtleties of thought and aesthetics of the author.

Keywords: *Nhat ki trong tu, Ho Chi Minh, classical poetry,
artistic conception of man, center, subject*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Như Mai, Nguyễn Văn Hấn, *Tìm hiểu bản sắc dân tộc trong thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2005.
- [2] Nguyễn Đăng Mạnh, *Mấy vấn đề về phương pháp tìm hiểu, phân tích thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Giáo dục, 1981.
- [3] Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
- [4] Trần Đình Sử, *Giáo trình thi pháp học*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- [5] Nhiều tác giả, *Nghiên cứu, học tập thơ văn Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học Xã hội, 1997.